

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **45/2023/TCSC/FIN-CV**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng 03 năm 2023

V/v. giải trình biến động

LNST năm 2022 trên báo cáo tài chính hợp nhất

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VNX)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HOSE)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công xin được giải trình tình hình biến động kết quả kinh doanh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Biến động
1	2	3	3	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu hoạt động, trong đó:	212.282.406.126	316.956.880.832	(104.674.474.706)	-33,02%
1.1	Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	53.452.000.356	155.850.883.044	(102.398.882.688)	-65,70%
1.2	Doanh thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.508.210.163	10.479.104.874	5.029.105.289	47,99%
1.3	Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu	67.463.381.684	58.185.997.750	9.277.383.934	15,94%
1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	36.514.763.006	51.857.562.958	(15.342.799.952)	-29,59%
1.5	Doanh thu nghiệp vụ đại lý phát hành chứng khoán	34.260.500.000	24.955.000.000	9.305.500.000	37,29%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	76.219.827	11.570.396.286	(11.494.176.459)	-99,34%
1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	988.973.648	526.000.232	462.973.416	88,02%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh, trong đó:	98.737.864.018	71.665.234.996	27.072.629.022	37,78%
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	41.426.059.922	17.671.536.709	23.754.523.213	134%
2.2	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.468.080.922	26.805.322.266	(337.241.344)	-1,26%
2.3	Chi phí đi vay của các khoản cho vay	28.277.420.103	25.390.755.337	2.886.664.766	11,37%
3	Doanh thu tài chính	6.243.930.386	798.723.726	5.445.206.660	681,74%
4	Chi phí tài chính, trong đó:	1.072.864.796	2.779.820.973	(1.706.956.177)	-61,41%
4.1	Chi phí lãi vay	1.072.864.796	2.779.820.973	(1.706.956.177)	-61,41%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.415.181.540	30.716.749.974	1.698.431.566	5,53%
6	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	85.765.342.397	217.190.052.489	(131.424.710.092)	-60,51%
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.003.581.977	173.071.606.551	(103.068.024.574)	-59,55%



Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt 70 tỷ đồng, sụt giảm hơn 103,1 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 59,55% so với năm 2021 (173,07 tỷ đồng), do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Sự sụt giảm chung của thị trường, theo đó, kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2022, chỉ số VN-Index đạt 1.007,09 điểm, giảm 491,19 điểm tương đương mức giảm 32,78% so với cuối năm 2021. Điều này đã tác động rõ rệt đến các nguồn thu chính của Công ty, cụ thể: Doanh thu hoạt động hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt 212,2 tỷ đồng sụt giảm hơn 104,7 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm hơn 33% so với năm 2021. Trong đó, doanh thu từ các hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và môi giới chứng khoán giảm rõ rệt so với năm 2021, tỷ lệ giảm lần lượt là hơn 99,34%, 65,7% và 29,59% so với năm 2021.

- Bên cạnh đó, chi phí hoạt động hợp nhất năm 2022 ghi nhận ở mức gần 98,7 tỷ đồng, tăng 37,8% so với năm 2021, chủ yếu do chi phí lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) ghi nhận hơn 41,4 tỷ đồng, tăng hơn 23,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng lên đến 134%.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư, FIN.

TỔNG GIÁM ĐỐCⁿ

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

C.T.C.P
TY
ÂN
HOÁN
ÔNG
HỒ CHÍ MINH